

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 4

MÔN: TIẾNG ANH 10 ENGLISH DISCOVERY



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. PRONUNCIATION

*Choose the word whose underlined part is pronounced differently.*1. A. science B. complex C. comedy D. documentary2. A. floor B. wall C. small D. room*Choose the word that has a different stressed syllable from the rest.*

3. A. museum B. landscape C. beauty D. program

4. A. bungalow B. cottage C. studio D. attraction

II. VOCABULARY AND GRAMMAR

Choose the best option (A, B, C or D) to complete each of the following sentences.

5. I have _____ seen such a great movie like that in my entire life!

A. for B. never C. since D. yet

6. My grandparents live in a charming country _____ with roses around the door.

A. van B. tribe C. town D. cottage

7. You can't _____ people _____ unless they truly want to help the community.

A. let – volunteer B. let – volunteering

C. make – volunteering D. make – volunteer

8. This house comes with a nice surprise: there's a guest room downstairs in the _____.

A. mining B. landscape C. basement D. underground

9. The _____ is where you can help the elderly.

A. community centre B. health centre C. senior centre D. garden centre

10. This exercise is _____ to do. I don't think I can do it.

A. not hard enough B. too hard C. too easy D. easy enough

11. Mai and I _____ to a concert on Friday nights. Her uncle bought us tickets.

A. are going B. going to go C. will go D. go

12. I love _____ time with my friends doing volunteer work in the hospital.

A. to spend B. spending C. having D. to have

13. My mom doesn't like watching soap operas on TV. She thinks they are too _____.

A. entertaining B. fascinating C. predictable D. thrilling

14. "How long have you lived here?" – "Not very long. _____."

A. For a few weeks B. A few months ago

C. Since I was born D. In 2002

15. We need _____ enough money for the children's fund before we can improve the local orphanage.

- A. donate B. raise C. to donate D. to raise

Write the correct forms of the words in brackets.

16. This studio apartment has five _____ bedrooms, all with bathrooms. (SPACE)
 17. We can understand problems that _____ people face when we do charity work. (NEED)
 18. We have walked all day in the _____ temperature. (SCORCH)
 19. If you have extra toiletries, medical supplies, or canned food, consider donating these items to a _____ shelter or community centre. (HOME)
 20. We often see mountains and rainforests in the _____ of Vietnam. (LAND)

III. READING

Read the following passages and match questions 21 - 25 with paragraphs A - D that has the needed information.

Blade Runner 2049

Paragraph A

Directed by Denis Villeneuve and starring Ryan Gosling and Harrison Ford, this action-adventure film is the sequel of the 1982 science-fiction film Blade Runner by Ridley Scott. It is set 30 years after the events of the original film.

Paragraph B

The action takes place in the Los Angeles of the future, a city where there are flying cars and people use robots for work. Unfortunately, some of these robots have become dangerous to humans. Ryan Gosling stars as K, who works for the Los Angeles Police Department as a 'blade runner'. His job is to find and kill these dangerous robots. One day he discovers a secret that could put the future of humans at risk.

Paragraph C

Ryan Gosling is excellent as K, and Harrison Ford also gives a great performance as a retired blade runner, who helps K find the answers he is looking for. The special effects and photography are as stunning as in the original film. The soundtrack is superb, and the screenplay holds your attention from beginning to end.

Paragraph D

For me, the word that best describes this movie is *thrilling*. It's one of the best science-fiction films I've ever seen. I would definitely suggest all my friends watch it.

(Word count: 212 - Adapted from Focus 2, U3, 3.7 Writing)

Which paragraph ...

21. tells the plot of the whole movie?
 22. mentions the photographic effects in the movie?
 23. mentions that 'Blade Runner 2049' is a thrilling movie?
 24. refers to the character of Harrison Ford?
 25. mentions that 'Blade Runner 2049' was produced 30 years after the first movie?

Complete the description of the movie. Use the following sentences (A-E).

- A. I would recommend everyone watching this film.
- B. It is both entertaining and inspiring to me.
- C. And, of course, the soundtrack of the movie is brilliant!
- D. The film is a musical comedy.
- E. The rest of the actresses also play the Bellas very well.

Film Review: Pitch Perfect

Pitch Perfect is a 2012 musical comedy, directed by Jason Moore and starring Anna Kendrick and Rebel Wilson. (26) _____. It received MTV Movie Awards for Wilson's performance and for best musical moment.

The plot focuses on Beca Mitchell, a student who likes to work with music. At university, she meets Barden Bellas, a singing group of girls, and joins the national singing competition.

Anna Kendrick gives a superb performance as a shy but strong student. (27) _____. The storyline is cleverly written and very convincing. The plot is a bit predictable but it's still fun to watch. (28) _____.

The word that best describes this movie is *fun*. (29) _____. In my view, it is for teenagers and adults alike. (30) _____.

IV. WRITING

Use the word in capitals to rewrite the sentences. Do not change the given word.

31. I started learning English two years ago. (LEARNED)

→ I _____ two years.

32. My father last visited Thái Nguyên in 2009. (SINCE)

→ My father _____ 2009.

33. Many people know Cần Thơ because of its floating markets. (FAMOUS)

→ Cần Thơ _____ its floating markets.

34. I will certainly go to a housewarming party tonight. (GOING)

→ I _____ housewarming party tonight.

35. When did you move to this block of flats? (LIVED)

→ How long _____ this block of flats?

V. LISTENING

Listen to a conversation between Linh and Lan and mark the statements true (T) or false (F).

36. Linh has to be healthy to be a good volunteer. _____

37. The weather can be extreme when you volunteer at a different place. _____

38. The food will not be much different when volunteering. _____

39. Lan worked in a small team and she didn't talk much. _____

40. Responsibility is really important for a volunteer. _____

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. D	11. A	16. spacious	21. B	26. D	36. T
2. D	7. D	12. B	17. needy	22. C	27. E	37. T
3. A	8. D	13. C	18. scorching	23. D	28. C	38. F
4. D	9. C	14. A	19. homeless	24. C	29. B	39. F
5. B	10. B	15. C	20. landscape	25. A	30. A	40. T

31. I **have learned English for** two years.32. My father **hasn't visited Thái Nguyên since** 2009.33. Cần Thơ **is famous for** its floating markets.34. I **am going to a** housewarming party tonight.35. How long **have you lived in** this block of flats?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. A

Kiến thức: Phát âm “c”**Giải thích:**

A. science /'saɪəns/

B. complex /'kɒmpleks/

C. comedy /'kɒmədi/

D. documentary /,dɒkjʊ'mentri/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /s/, các phương án còn lại phát âm /k/.

Chọn A

2. D

Kiến thức: Phát âm “oo”, “a”**Giải thích:**

A. floor /flɔ:(r)/

B. wall /wɔ:l/

C. small /smɔ:l/

D. room /ru:m/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /u:/, các phương án còn lại được phát âm /ɔ:/.

Chọn D

3. A

Kiến thức: Trọng âm từ có 2, 3 âm tiết**Giải thích:**

A. museum /mju:'zi:əm/

B. landscape /'lændskeɪp/

C. beauty /'bju:ti/

D. program /'prəʊgræm/

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

4. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 2, 3 âm tiết

Giải thích:

A. bungalow /'bʌŋgələʊ/

B. cottage /'kɒtɪdʒ/ nhà tranh

C. studio /'stju:diəʊ/ phòng thu

D. attraction /ə'trækʃn/

Phương án D có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn D

5. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết thì hiện tại hoàn thành “ have seen”

for + thời gian: khoảng

have never Ved/V3: chưa bao giờ

since + mốc thời gian: kể từ khi

not... yet: chưa (thường dùng trong câu phủ định)

I have **never** seen such a great movie like that in my entire life!

(Tôi chưa bao giờ xem một bộ phim hay như vậy trong suốt cuộc đời mình!)

Chọn B

6. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. van (n): xe tải

B. tribe (n): bộ tộc

C. town (n): thị trấn

D. cottage (n): nhà tranh

My grandparents live in a charming country **cottage** with roses around the door.

(Ông bà tôi sống trong một ngôi nhà nông thôn duyên dáng với hoa hồng quanh cửa.)

Chọn D

7. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

let + O + V (nguyên thể): để cho/ cho phép ai làm việc gì

make + O + V (nguyên thể): khiến cho/ bắt ai làm việc gì

You can't **make** people **volunteer** unless they truly want to help the community.

(Bạn không thể bắt mọi người làm tình nguyện trừ khi họ thực sự muốn giúp đỡ cộng đồng.)

Chọn D

8. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. mining (n): khai thác mỏ

B. landscape (n): phong cảnh

C. basement (n): tầng hầm

D. underground (n): dưới lòng đất

This house comes with a nice surprise: there's a guest room downstairs in the **underground**.

(Ngôi nhà này có một bất ngờ thú vị: có một phòng dành cho khách ở tầng dưới trong lòng đất.)

Chọn D

9. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. community centre: trung tâm cộng đồng

B. health centre: trung tâm y tế

C. senior centre: trung tâm người cao tuổi

D. garden centre: vườn hoa trung tâm

The **senior centre** is where you can help the elderly.

(Trung tâm người cao tuổi là nơi bạn có thể giúp đỡ người già.)

Chọn C

10. B

Kiến thức: Mệnh đề kết quả với “too” và “enough”

Giải thích:

S + be + too + adj + to V: quá.... để làm gì

S + be + adj + enough + to V: đủ...để làm gì

A. not hard enough: không đủ khó

B. too hard: quá khó

C. too easy: quá dễ

D. easy enough: đủ dễ

This exercise is **too hard** to do. I don't think I can do it.

(Bài tập này quá khó để làm. Tôi không nghĩ mình có thể làm được.)

Chọn B

11. A

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả sự việc xảy ra trong tương lai có kế hoạch từ trước. => Cấu trúc dạng khẳng định: S (số nhiều) + are V-ing

Mai and I **are going** to a concert on Friday nights. Her uncle bought us tickets.

(Mai và tôi sẽ đến một buổi hòa nhạc vào tối thứ Sáu. Chú của cô ấy đã mua vé cho chúng tôi.)

Chọn A

12. B

Kiến thức: Dạng của động từ

Giải thích:

love + Ving: thích làm việc gì

spend time with someone V-ing: dành thời gian với ai làm việc gì

I love **spending** time with my friends doing volunteer work in the hospital.

(Tôi thích dành thời gian cùng bạn bè làm công việc tình nguyện trong bệnh viện.)

Chọn B

13. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. entertaining (adj): giải trí

B. fascinating (adj): hấp dẫn

C. predictable (adj): dễ đoán

D. thrilling (adj): ly kỳ

My mom doesn't like watching soap operas on TV. She thinks they are too **predictable**.

(Mẹ tôi không thích xem phim truyền hình dài tập trên TV. Cô ấy nghĩ rằng họ quá dễ đoán.)

Chọn C

14. A

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

A. For a few weeks: trong vài tuần

B. A few months ago: vài tháng trước

C. Since I was born: kể từ khi tôi được sinh ra

D. In 2002: năm 2002

"How long have you lived here?" – "Not very long. **For a few weeks.**"

("Bạn ở đây bao lâu rồi?" - "Không lâu đâu. Khoảng vài tuần.")

Chọn A

15. C

Kiến thức: Dạng của động từ

Giải thích:

Cấu trúc: need + to V (cần làm việc gì)

donate (v): quyên góp

raise (v): gây quỹ

We need **to donate** enough money for the children's fund before we can improve the local orphanage.

(Chúng ta cần quyên góp đủ tiền cho quỹ trẻ em trước khi chúng ta có thể cải thiện trại trẻ mồ côi địa phương.)

Chọn C

16. spacious

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải thích:

Trước danh từ "bedrooms" cần tính từ.

space (n): không gian

spacious (adj): rộng rãi

This studio apartment has five **spacious** bedrooms, all with bathrooms.

(Căn hộ studio này có năm phòng ngủ rộng rãi, tất cả đều có phòng tắm.)

Đáp án: spacious

17. needy

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải thích:

Trước danh từ "people" cần tính từ.

need (n, v): sự cần thiết/ cần

needy (adj): thiếu thốn (tiền/ thức ăn/ quần áo,...)

We can understand problems that **needy** people face when we do charity work.

(Chúng ta có thể hiểu những vấn đề mà những người thiếu thốn phải đối mặt khi chúng ta làm công tác từ thiện.)

Đáp án: needy

18. scorching

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải thích:

Sau mạo từ "the" và trước danh từ "temperature" cần tính từ.

scorch (v): cháy

scorching (adj): thiêu đốt/ nóng

We have walked all day in the **scorching** temperature.

(Chúng tôi đã đi bộ cả ngày trong nhiệt độ thiêu đốt này.)

Đáp án: scorching

19. homeless

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải thích:

Trước danh từ “shelter” cần tính từ.

home (n): nhà

homeless (adj): vô gia cư

If you have extra toiletries, medical supplies, or canned food, consider donating these items to a **homeless** shelter or community centre.

(Nếu bạn có thêm đồ vệ sinh cá nhân, vật tư y tế hoặc thực phẩm đóng hộp, hãy cân nhắc quyên góp những vật dụng này cho trung tâm cộng đồng hoặc trung tâm cộng đồng dành cho người vô gia cư.)

Đáp án: homeless

20. landscape

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải thích:

Sau mạo từ “the” và trước giới từ “of” cần

land (n): đất đai

landscape (n): phong cảnh

We often see mountains and rainforests in the **landscape** of Vietnam.

(Chúng ta thường thấy núi và rừng nhiệt đới trong cảnh quan của Việt Nam)

Đáp án: landscape

Tạm dịch bài đọc:

Kiểm Khách 2049

Đoạn A

Do Denis Villeneuve đạo diễn và Ryan Gosling và Harrison Ford đóng vai chính, bộ phim phiêu lưu hành động này là phần tiếp theo của bộ phim khoa học viễn tưởng Blade Runner năm 1982 của Ridley Scott. Nó lấy bối cảnh 30 năm sau các sự kiện của bộ phim gốc.

Đoạn B

Hành động diễn ra ở Los Angeles của tương lai, một thành phố nơi có những chiếc ô tô bay và mọi người sử dụng robot để làm việc. Thật không may, một số robot này đã trở nên nguy hiểm đối với con người. Ryan Gosling đóng vai K, người làm việc cho Sở cảnh sát Los Angeles với tư cách là một 'người chạy kiếm'. Công việc của anh ta là tìm và tiêu diệt những con robot nguy hiểm này. Một ngày nọ, anh phát hiện ra một bí mật có thể khiến tương lai của loài người gặp nguy hiểm.

Đoạn C

Ryan Gosling thể hiện xuất sắc vai K, và Harrison Ford cũng thể hiện xuất sắc trong vai một vận động viên chạy kiếm đã nghỉ hưu, người đã giúp K tìm ra câu trả lời mà anh ấy đang tìm kiếm. Các hiệu ứng đặc biệt và nhiếp ảnh tuyệt đẹp như trong phim gốc. Nhạc nền tuyệt vời và kịch bản thu hút sự chú ý của bạn từ đầu đến cuối.

Đoạn D

Đối với tôi, từ mô tả đúng nhất về bộ phim này là ly kỳ. Đó là một trong những bộ phim khoa học viễn tưởng hay nhất mà tôi từng xem. Tôi chắc chắn sẽ đề nghị tất cả bạn bè của tôi xem nó.

21. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Which paragraph tells the plot of the whole movie?

(Đoạn nào nói lên cốt truyện của toàn bộ phim?)

Thông tin: One day he discovers a secret that could put the future of humans at risk.

(Một ngày nọ, anh phát hiện ra một bí mật có thể khiến tương lai của loài người gặp nguy hiểm.)

Chọn B

22. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Which paragraph mentions the photographic effects in the movie?

(Đoạn nào đề cập đến các hiệu ứng hình ảnh trong phim?)

Thông tin: The special effects and photography are as stunning as in the original film. The soundtrack is superb, and the screenplay holds your attention from beginning to end.

(Các hiệu ứng đặc biệt và nhiếp ảnh tuyệt đẹp như trong phim gốc. Nhạc nền tuyệt vời và kịch bản thu hút sự chú ý của bạn từ đầu đến cuối.)

Chọn C

23. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Which paragraph mentions that 'Blade Runner 2049' is a thrilling movie?

(Đoạn nào đề cập đến các hiệu ứng hình ảnh trong phim?)

Thông tin: For me, the word that best describes this movie is *thrilling*.

(Đối với tôi, từ mô tả đúng nhất về bộ phim này là ly kỳ.)

Chọn D

24. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Which paragraph refers to the character of Harrison Ford?

(Đoạn nào đề cập đến nhân vật của Harrison Ford?)

Thông tin: Ryan Gosling is excellent as K, and Harrison Ford also gives a great performance as a retired blade runner, who helps K find the answers he is looking for

(Ryan Gosling thể hiện xuất sắc vai K, và Harrison Ford cũng thể hiện xuất sắc vai một vận động viên chạy kiếm đã nghỉ hưu, người đã giúp K tìm ra câu trả lời mà anh ấy đang tìm kiếm)

Chọn C

25. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Which paragraph mentions that 'Blade Runner 2049' was produced 30 years after the first movie?

(Đoạn nào đề cập rằng 'Blade Runner 2049' được sản xuất 30 năm sau bộ phim đầu tiên?)

Thông tin: It is set 30 years after the events of the original film.

(Nó lấy bối cảnh 30 năm sau các sự kiện của bộ phim gốc.)

Chọn A

26. D

The film is a musical comedy.

(Bộ phim là một vở nhạc kịch hài.)

27. E

The rest of the actresses also play the Bellas very well.

(Những nữ diễn viên còn lại cũng đóng vai Bellas rất tốt.)

28. C

And, of course, the soundtrack of the movie is brilliant!

(Và, tất nhiên, nhạc nền của bộ phim thật tuyệt vời!)

29. B

It is both entertaining and inspiring to me.

(Nó vừa mang tính giải trí vừa tạo cảm hứng cho tôi.)

30. A

I would recommend everyone watching this film.

(Tôi muốn giới thiệu tất cả mọi người xem bộ phim này.)

Đoạn văn hoàn chỉnh:

Film Review: Pitch Perfect

Pitch Perfect is a 2012 musical comedy, directed by Jason Moore and starring Anna Kendrick and Rebel Wilson. **The film is a musical comedy.** It received MTV Movie Awards for Wilson's performance and for best musical moment.

The plot focuses on Beca Mitchell, a student who likes to work with music. At university, she meets Barden Bellas, a singing group of girls, and joins the national singing competition.

Anna Kendrick gives a superb performance as a shy but strong student. **The rest of the actresses also play the Bellas very well.** The storyline is cleverly written and very convincing. The plot is a bit predictable but it's still fun to watch. **And, of course, the soundtrack of the movie is brilliant!**

The word that best describes this movie is *fun*. **It is both entertaining and inspiring to me.** In my view, it is for teenagers and adults alike. **I would recommend everyone watching this film.**

Tạm dịch:

Đánh giá phim: Pitch Perfect

Pitch Perfect là một bộ phim hài ca nhạc năm 2012, do Jason Moore đạo diễn và có sự tham gia của Anna Kendrick và Rebel Wilson. Bộ phim là một bộ phim hài ca nhạc. Nó đã nhận được Giải thưởng điện ảnh MTV cho màn trình diễn của Wilson và khoảnh khắc âm nhạc hay nhất.

Cốt truyện tập trung vào Beca Mitchell, một sinh viên thích làm việc với âm nhạc. Tại trường đại học, cô gặp Barden Bellas, một nhóm hát gồm các cô gái và tham gia cuộc thi hát quốc gia.

Anna Kendrick đã thể hiện xuất sắc vai một học sinh nhút nhát nhưng mạnh mẽ. Các nữ diễn viên còn lại cũng đóng vai Bellas rất tốt. Cốt truyện được viết khéo léo và rất thuyết phục. Cốt truyện hơi dễ đoán nhưng vẫn rất thú vị khi xem. Và tất nhiên, nhạc nền của phim rất xuất sắc!

Từ mô tả đúng nhất về bộ phim này là vui nhộn. Nó vừa thú vị vừa truyền cảm hứng cho tôi. Theo quan điểm của tôi, nó dành cho thanh thiếu niên và người lớn. Tôi muốn giới thiệu tất cả mọi người xem bộ phim này.

31.

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành – quá khứ đơn

Giải thích:

Các cấu trúc:

S + started + V-ing + thời gian + ado: ai đã bắt đầu làm việc gì cách đây bao lâu

= S + have/has Ved/P2 + for + thời: ai đã làm việc gì khoảng bao lâu

I started learning English two years ago.

(Tôi bắt đầu học tiếng Anh cách đây 2 năm.)

Đáp án: I **have learned English for** two years.

(Tôi đã học tiếng Anh được 2 năm)

32.

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành – quá khứ đơn

Giải thích:

Các cấu trúc:

S + last + Ved/V2 + in + mốc thời gian: ai làm việc gì lần cuối vào khi nào

= S + have/has + NOT + Ved/V3 + SINCE + mốc thời gian: ai đã không làm việc gì kể từ khi nào

My father last visited Thái Nguyên in 2009.

(Lần cuối bố tôi ghé Thái Nguyên vào năm 2009.)

Đáp án: My father **hasn't visited** Thái Nguyên since 2009.

(Bố tôi đã không ghé thăm Thái Nguyên từ năm 2009.)

33.

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

people know (mọi người biết) = famous for (nổi tiếng vì cái gì)

Many people know Cần Thơ because of its floating markets.

(Mọi người biết đến Cần Thơ vì chợ nổi của nó.)

Đáp án: Cần Thơ **is famous for** its floating markets.

(Cần Thơ nổi tiếng với chợ nổi.)

34.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả sự việc xảy ra trong tương lai có kế hoạch xác định từ trước. => Cấu trúc dạng khẳng định: S + am/ is/ are + V-ing

I will certainly go to a housewarming party tonight.

(Tôi chắc chắn sẽ đến tiệc tân gia tối nay.)

Đáp án: I **am going to a** housewarming party tonight.

(Tối nay tôi sẽ đến dự tiệc tân gia.)

35.

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành – quá khứ đơn

Giải thích:

Các cấu trúc:

When + did + S + V (nguyên thể): ai đã làm việc gì khi nào

= How long + have/has + S + Ved/V3?: ai đã làm việc gì trong bao lâu

When did you move to this block of flats?

(Bạn đã chuyển đến chung cư này khi nào?)

Đáp án: How long **have you lived in** this block of flats?

(Bạn đã sống trong khu căn hộ này bao lâu rồi?)

Audio script:

Linh: Hi Lan. I'm thinking of doing some voluntary work in Africa and I wanted to ask you some questions.

Are you busy?

Lan: Sure – what do you want to know?

Linh: Well, do you think I'm gonna be a good volunteer?

Lan: Oh yes, I'm sure you can do it – but you need to think about it very carefully. It's good fun, but it's also really hard work. You need to be really healthy. You are fit, right?

Linh: Oh sure!

Lan: That's great because volunteers often work in difficult conditions. And they sometimes work long hours.

Linh: What do you mean?

Lan: Well, life is very different there and you have to adapt to new situations. For example, the weather can be extreme and you need to learn to live with it. The food and the accommodation are very different. You need to adapt to a new culture, too.

Linh: It sounds very exciting. Did you meet a lot of people?

Lan: Yes, I worked with a big group of people. I think you'll enjoy that because you're a good team player. You need good communication skills. I think you'll get on well with people – you're outgoing and you're responsible. That's really important.

Linh: It sounds amazing. Thanks, Lan!

Lan: No problem.

Tạm dịch

Linh: Chào Lan. Tôi đang nghĩ đến việc thực hiện một số công việc tình nguyện ở Châu Phi và tôi muốn hỏi bạn một số câu hỏi. Bạn có bận không?

Lan: Chắc chắn rồi – bạn muốn biết điều gì?

Linh: Chà, bạn có nghĩ tôi sẽ là một tình nguyện viên tốt không?

Lan: Ồ vâng, tôi chắc chắn rằng bạn có thể làm được – nhưng bạn cần phải suy nghĩ về nó thật cẩn thận. Đó là niềm vui tốt, nhưng nó cũng thực sự là công việc khó khăn. Bạn cần phải thực sự khỏe mạnh. Bạn phù hợp, phải không?

Linh: Ồ chắc chắn rồi!

Lan: Điều đó thật tuyệt vì tình nguyện viên thường làm việc trong điều kiện khó khăn. Và đôi khi họ làm việc nhiều giờ.

Linh: Ý bạn là gì?

Lan: Chà, cuộc sống ở đó rất khác và bạn phải thích nghi với những tình huống mới. Ví dụ, thời tiết có thể khắc nghiệt và bạn cần học cách chung sống với nó. Thức ăn và chỗ ở rất khác nhau. Bạn cũng cần phải thích nghi với một nền văn hóa mới.

Linh: Nghe rất thú vị. Bạn đã gặp rất nhiều người?

Lan: Vâng, tôi đã làm việc với một nhóm lớn người. Tôi nghĩ bạn sẽ thích điều đó vì bạn là một người chơi tốt trong nhóm. Bạn cần kỹ năng giao tiếp tốt. Tôi nghĩ bạn sẽ hòa thuận với mọi người - bạn hướng ngoại và bạn có trách nhiệm. Điều đó thực sự quan trọng.

Linh: Nghe có vẻ tuyệt vời. Cảm ơn Lan!

Lan: Không sao.

36. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Linh has to be healthy to be a good volunteer.

(Linh phải khỏe mạnh để trở thành một tình nguyện viên giỏi.)

Thông tin: You need to be really healthy

(Bạn cần phải thật khỏe mạnh)

Chọn T

37. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The weather can be extreme when you volunteer at a different place.

(Thời tiết có thể rất khắc nghiệt khi bạn làm tình nguyện ở một nơi khác.)

Thông tin: Well, life is very different there and you have to adapt to new situations. For example, the weather can be extreme and you need to learn to live with it.

(Chà, cuộc sống ở đó rất khác và bạn phải thích nghi với những tình huống mới. Ví dụ, thời tiết có thể khắc nghiệt và bạn cần học cách sống chung với nó)

Chọn T

38. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

The food will not be much different when volunteering.

(Thức ăn sẽ không khác nhiều khi làm tình nguyện.)

Thông tin: The food and the accommodation are very different.

(Thức ăn và chỗ ở rất khác nhau)

Chọn F

39. F

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Lan worked in a small team and she didn't talk much.

(Lan làm việc trong một nhóm nhỏ và cô ấy không nói nhiều.)

Thông tin: I think you'll enjoy that because you're a good team player.

(Tôi nghĩ bạn sẽ thích điều đó vì bạn là một người chơi tốt trong nhóm.)

40. T

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Responsibility is really important for a volunteer.

(Trách nhiệm thực sự rất quan trọng đối với một tình nguyện viên.)

Thông tin: I think you'll get on well with people – you're outgoing and you're responsible. That's really important.

(Tôi nghĩ bạn sẽ hòa thuận với mọi người - bạn hướng ngoại và bạn có trách nhiệm. Điều đó thực sự quan trọng.)